



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm Quyết định số 285 /QĐ-DHPT ngày 01 tháng 06 năm 2024
của Trường Đại học Phan Thiết)

A. Thông tin tổng quát (General information)

- Tên chương trình tiếng Việt: Chuyên ngành Giảng dạy Tiếng Anh
- Tên chương trình tiếng Anh: English teaching
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh
- Ngành đào tạo tiếng Anh: English Language
- Mã ngành: 7220201
- Thời gian đào tạo: 3.5 năm
- Loại hình đào tạo: Chính quy, tập trung
- Số tín chỉ: 125 (không bao gồm học phần GDTC, GDQPAN)
- Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân/Đại học
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh, Tiếng Việt, Tiếng Trung hoặc Tiếng Nga (đối với học phần ngoại ngữ 2)

B. Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra (Program Objectives and Learning Outcomes)

1. Mục tiêu đào tạo (Program Objectives)

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh chất lượng cao, có năng lực nghề nghiệp đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ nhà giáo, cung cấp nguồn năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhân lực cho đất nước nói chung và tỉnh Bình Thuận nói riêng. Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh có kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, phẩm chất cá nhân, phẩm chất nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

PO1. Trang bị kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mac-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng cộng sản Việt nam và các kiến thức pháp luật đại cương.

PO2. Nắm vững kiến thức cơ bản về chính trị; văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn.

PO3. Có kiến thức về vấn đề chuyên biệt như dạy học phân hóa và tích hợp, quản lý hoạt động dạy và học Tiếng Anh; phát triển năng lực tự học Tiếng Anh cho người học để đáp ứng nhu cầu phục vụ xã hội.

1.2.2. Về kỹ năng

PO4. Thực hành các thủ thuật dạy kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, luyện âm) và kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) theo hướng giao tiếp trong thời gian giảng tập trong lớp học và thực tập sư phạm tại các nơi thực tập. Phân tích sách giáo khoa, nắm vững

phương pháp soạn giáo án, sáng tạo và sử dụng giáo cụ trực quan cho việc giảng dạy. Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực chuyên môn.

PO5. Khai thác, sử dụng hiệu quả các phương tiện hiện đại trong dạy và học tiếng Anh. Lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát quá trình làm việc một cách hiệu quả, sáng tạo trong chuyên môn.

1.2.3. Về thái độ

PO6. Tuân thủ chấp hành tốt kỷ cương pháp luật, đường lối, chính sách của nhà nước.

PO7. Nâng cao ý thức trách nhiệm, yêu học sinh, yêu nghề, tôn trọng và quan hệ tốt với học sinh, phụ huynh và đồng nghiệp.

PO8. Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, bồi dưỡng và cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Giao tiếp tốt trong mọi tình huống.

1.2.4. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành Giảng dạy tiếng Anh có thể làm các công việc:

Giảng dạy tiếng Anh ở các bậc học như mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, công lập hoặc tư thục, các trường dân lập, quốc tế.

Giảng dạy tiếng Anh tại các trường trung cấp nghề, cao đẳng hoặc ở trung tâm ngoại ngữ.

Nhân viên đào tạo, tư vấn khóa học, quản lý khóa học.

Tư vấn tâm lý giáo dục, tâm lý lứa tuổi.

Nghiên cứu viên hoặc nhân viên phục vụ công tác nghiên cứu văn hóa Anh, Mỹ... tại các trường đại học và cao đẳng.

Giáo viên dạy tiếng Anh cho người nước ngoài.

Biên tập viên tiếng Anh cho các tạp chí song ngữ, nhà xuất bản tiếng Anh, công ty truyền thông.

Tự thành lập và quản lý công ty tư vấn về giáo dục hay trung tâm dạy các chứng chỉ quốc tế như TOEIC, TOEFL, IELTS hay trung tâm Anh ngữ trẻ em.

Chuyên viên, nhân viên tại các viện nghiên cứu giáo dục, ngôn ngữ, văn hóa, sở, ban ngành, doanh nghiệp có sử dụng tiếng Anh.

1.2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Theo học sau đại học các chuyên ngành Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh, Ngôn ngữ học ứng dụng, Ngôn ngữ học tiếng Anh hoặc các ngành khác có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và tham gia đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp cao hơn trong lĩnh vực ngôn ngữ và giáo dục.

2. Chuẩn đầu ra (Program learning outcomes)

Chuẩn đầu ra	Giải thích	Nhóm CĐR
PLO1	Hiểu được kiến thức thiết yếu về khoa học ngôn ngữ và ứng dụng của ngôn ngữ học	Kiến thức
PLO2	Viết báo cáo khoa học, làm nền tảng cho công tác giảng dạy, nghiên cứu và phát triển chuyên môn.	
PLO3	Phân tích sách giáo khoa, nắm vững phương pháp soạn giáo	

Chuẩn đầu ra	Giải thích	Nhóm CDR
	án, sáng tạo và sử dụng giáo cụ trực quan cho việc giảng dạy.	
PLO4	Nắm vững lý luận và phương pháp; kỹ thuật và phương tiện dạy học hiện đại trong dạy học ngoại ngữ; phương pháp nghiên cứu cải tiến, nhằm hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực cho người học trong giảng dạy tiếng Anh.	
PLO5	Sử dụng tiếng Anh thành thạo, linh hoạt, hiệu quả, trong giao tiếp và trong giảng dạy phù hợp với đối tượng, đáp ứng yêu cầu hiện hành.	Kỹ năng
PLO6	Thực hiện các hoạt động theo hướng giao tiếp và đa dạng hóa các thủ thuật dạy học để khuyến khích người học học tập cũng như nâng cao tính tích cực của người học.	
PLO7	Điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; quản lý dạy học môn học có tính hệ thống, khoa học và sư phạm.	
PLO8	Thực hiện thành thạo các kỹ năng xây dựng kế hoạch giảng dạy tiếng Anh, thiết kế giáo án, kiểm tra đánh giá kế hoạch học tập của người học nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hiệu quả của sự nghiệp giáo dục trong việc đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy - học.	
PLO9	Vận dụng kỹ năng tư duy, giao tiếp tiếng Anh, thuyết trình trước đám đông, và kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả vào quản lý lớp học và truyền đạt kiến thức một cách khoa học và hệ thống.	
PLO10	Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu suốt đời.	
PLO11	Sử dụng được tiếng Trung trong giao tiếp tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu về năng lực ngoại ngữ	
PLO12	Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và nghề giáo, làm tấm gương tốt cho học sinh.	Mức tự chủ và trách nhiệm
PLO13	Ứng xử, giao tiếp và làm việc nhóm một cách hiệu quả	
PLO14	Tư duy sáng tạo, giải quyết được các vấn đề nghiệp liên quan đến nghề giảng dạy.	
PLO15	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tận tâm, nhiệt tình và công bằng trong giảng dạy	

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là 125 tín chỉ, không bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

4. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo

dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Nhà trường.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 14 Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Nhà trường

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa.

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên.

- Đạt điểm rèn luyện từ 5.0 trở lên (tối thiểu xếp loại trung bình/ toàn khóa học)

- Có Chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản (gồm đủ 6 mô đun cơ bản) quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT

- Chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin nâng cao theo Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin nâng cao quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT

- Có chứng chỉ Kỹ năng mềm do Trung tâm phát triển nguồn nhân lực trường Đại học Phan Thiết cấp

- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và hoàn thành môn học Giáo dục Thể chất

- Tham gia hoạt động cộng đồng theo quy định của Nhà trường (15 ngày công ích).

6. Cách thức đánh giá

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường.

7. Nội dung chương trình

TT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Môn tiên quyết (nếu có)
			TC	LT	TH/TT	
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương		13			
	7.1.1. Lý luận chính trị					
1	Triết học Mác- Lênin Marxist-Leninist philosophy	190441	3	2	1	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Marxist - Leninist political economy	190117	2	2		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Science socialism	190014	2	2		
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam	190152	2	2		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	190443	2	2		
6	Pháp luật đại cương General Law	190255	2			
7.2	Kiến thức khoa học cơ bản		23			
	7.2.1. Khoa học xã hội		3			
7	Tin học căn bản Basic Informatics	200026	3	1	2	

	7.2.2. Ngoại ngữ		9			
8	Tiếng Trung 1 Chinese 1	190424	3	2	1	
9	Tiếng Trung 2 Chinese 2	190425	3	2	1	
10	Tiếng Trung 3 Chinese 3	190426	3	2	1	
	7.2.3. Giáo dục Thể chất		3		3	*
11	Giáo dục Thể chất 1 Physical Education 1	190060	2		2	
12	Giáo dục Thể chất 2 Physical Education 2	190061	1		1	
	7.2.4. Giáo dục Quốc phòng - An ninh		8		8	*
13	Giáo dục Quốc phòng Military and Defense Education	190059	8		8	
	7.3. Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành		85			
	7.3.1. Kiến thức cơ sở của ngành		47			
14	Nghe- Nói 1 Listening- Speaking 1	220110	4	2	2	
15	Nghe- Nói 2 Listening- Speaking 2	220111	4	2	2	
16	Nghe- Nói 3 Listening- Speaking 3	220112	4	2	2	
17	Nghe- Nói 4 Listening- Speaking 4	220113	4	2	2	
18	Nghệ thuật nói trước công chúng (Public Speaking) Public Speaking	200700	2	1	1	
19	Đọc 1 Reading 1	200001	3	2	1	
20	Đọc 2 Reading 2	190051	3	2	1	
21	Đọc 3 Reading 3	190052	3	2	1	
22	Viết 1 Writing 1	190456	3	2	1	
23	Viết 2 Writing 2	190457	3	2	1	
24	Viết 3 Writing 3	190458	3	2	1	
25	Viết 4 Writing 4	200704	2	1	1	
26	Thực hành luyện âm Practice of Pronunciation	200023	3	1	2	
27	Ngữ pháp 1 Grammar 1	200015	3	2	1	
28	Ngữ Pháp 2 Grammar 2	190237	3	2	1	
	7.3.2. Kiến thức ngành và chuyên sâu:		38			
	7.3.2.1. Kiến thức chung:		8			
	Bắt buộc:					

29	Dẫn luận ngôn ngữ học An introduction to linguistics	190035	2	2		
30	Tiếng việt thực hành Vietnamese Practice	190428	2	1	1	
31	Văn hóa Anh - Mỹ British-American Cultures	200701	2	1	1	
32	Văn học Anh - Mỹ British-American Literature	200708	2	1	1	
7.3.2.2 Kiến thức chuyên ngành:			30			
Bắt buộc:			12			
33	Ngữ âm-Âm vị học Phonetics and Phonology	220313	2	1	1	
34	Cú pháp (Syntax) Syntax	190030	2	1	1	
35	Biên dịch Translation	220119	3	2	1	
36	Phiên dịch Interpretation	200147	3	2	1	
37	Hình vị học Morphology	190080	2	1	1	
Tự chọn: Chọn 1 trong các môn sau theo thứ tự ở cột ghi chú			18			
38	Lý luận giảng dạy tiếng Anh 1 Introduction to English language teaching 1	220311	3	2	1	
39	Lý luận giảng dạy tiếng Anh 2 Introduction to English language teaching 2	220312	3	2	1	
40	Thực hành giảng dạy tiếng Anh 1 Practice of English language teaching 1	200705	3	2	1	
41	Thực hành giảng dạy tiếng Anh 2 Practice of English language teaching 2	200711	3	2	1	
42	Ngữ dụng học (Pragmatics) Pragmatics	200712	2	1	1	
43	Ngữ nghĩa học (Semantics) Semantics	200718	2	1	1	
44	Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy Testing and assessment in teaching	220122	2	1	1	
7.4. Kiến thức thực tập và trải nghiệm			11			
7.4.1. Kiến tập			2		2	
45	Kiến tập (Observation) Observation	220380	2		2	
7.4.2. Thực tập & KLTN (hoặc học môn thay thế)			9	9		
46	Khoá luận tốt nghiệp Graduation Thesis	200057	9	9		
Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp			9			
47	Tiếng Anh thực hành English practice	190399	3	1	2	
48	Thực tập tốt nghiệp Graduation Internship	190360	6	1	5	
7.5. Kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác			4			
49	Phương pháp nghiên cứu khoa học	190270	2	2		

	Scientific research method					
50	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Innovation and Entrepreneurship	220217	2	1	1	
Tổng cộng			125			

Ghi chú: TC: tín chỉ

LT: Lý thuyết

TH/TT: Thực hành/thực tập

*Không tính điểm tích lũy

8. Kế hoạch giảng dạy

Các môn Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng đào tạo theo kế hoạch chung của Trường.

TT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
HỌC KỲ 1			13			
1	Triết Học Mác – Lê nin	190441	3	2	1	
2	Thực hành luyện âm	200023	3	1	2	
3	Nghe-Nói 1	220110	4	2	2	
4	Ngữ Pháp 1	200015	3	2	1	
HỌC KỲ 2			15			
1	Pháp luật đại cương	190255	2	2		
2	Tin Học Căn Bản	200026	3	1	2	
3	Giáo Dục Thể Chất 1 *	190060	2		2	
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	190117	2	2		
5	Đọc 1	200001	3	2	1	
6	Viết 1	190456	3	2	1	
HỌC KỲ 3			15			
1	Giáo Dục Thể Chất 2 *	190061	1	1		
2	Chủ Nghĩa Xã Hội Khoa Học	190014	2	2		
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	190270	2	2		
4	Nghe- Nói 2	220111	4	2	2	
5	Đọc 2	190051	3	2	1	
6	Ngữ Pháp 2	190237	3	2	1	
HỌC KỲ 4			13			
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	190152	2	2		
2	Viết 2	190457	3	2	1	
3	Ngữ âm-Âm vị học	220313	2	1	1	
4	Nghe- Nói 3	220112	4	2	2	
5	Dẫn luận ngôn ngữ học	190035	2	2		
HỌC KỲ 5			13			
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	190443	2	2		
2	Đọc 3	190052	3	2	1	
3	Nghe- Nói 4	220113	4	2	2	
4	Tiếng Việt Thực hành	190428	2	1	1	
5	Kiên tập (Observation)	220380	2		2	
HỌC KỲ 6			15			
1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh *	190059	8		8	
2	Viết 3	190458	3	2	1	
3	Hình vị học (Morphology)	190080	2	1	1	

4	Văn hóa Anh - Mỹ	200701	2	1	1	
HỌC KỲ 7			15			
Học phần bắt buộc						
1	Nghệ thuật nói trước công chúng (Public Speaking)	200700	2	1	1	
2	Tiếng Trung 1	190424	3	2	1	
3	Văn học Anh - Mỹ	200708	2	1	1	
4	Cú pháp (Syntax)	190030	2	1	1	
Học phần tự chọn						
5	Lý luận giảng dạy tiếng Anh 1	220311	3	2	1	
6	Thực hành giảng dạy tiếng Anh 1	200705	3	2	1	
HỌC KỲ 8			14			
Học phần bắt buộc						
1	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	220217	2	1	1	
2	Biên dịch	220119	3	2	1	
3	Phiên dịch	200147	3	2	1	
4	Tiếng Trung 2	190425	3	2	1	
Học phần tự chọn						
1	Lý luận giảng dạy tiếng Anh 2	220312	3	2	1	
HỌC KỲ 9			14			
Học phần bắt buộc						
1	Tiếng Trung 3	190426	3	2	1	
2	Viết 4	200704	3	2	1	
Học phần tự chọn						
1	Thực hành giảng dạy tiếng Anh 2	200711	3	2	1	
2	Ngữ nghĩa học (Semantics)	200718	2	1	1	
3	Ngữ dụng học (Pragmatics)	200712	2	1	1	
4	Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy	220122	3	1	1	
HỌC KỲ 10			9			
<i>Chọn 1 trong 2 hình thức tốt nghiệp</i>						
1	Khoá luận tốt nghiệp	200057	9	9		
2	<i>Môn học thay thế</i>					
	Tiếng Anh thực hành	190399	3	1	2	
	Thực tập tốt nghiệp	190360	6	1	5	
Tổng cộng			125			

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Xây dựng đề cương chi tiết các môn học

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm cần lưu ý:

- Việc triển khai chi tiết các môn học phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, cần qui định các môn học tiên quyết của môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo.

- Về nội dung: Trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học. Có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng.

- Phần kiến thức tự chọn: Sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích

lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Phần kiến thức tự chọn, hàng năm có thể thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập.

- Ngoài ra chương trình có môn học Kiến tập nhằm giúp cho sinh viên làm quen với thực tế doanh nghiệp từ năm thứ 2, sẽ triển khai vào học kỳ 5 của khóa học, sinh viên đến kiến tập tại doanh nghiệp.

- Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học do giảng viên qui định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết.

- Tất cả các môn học đều phải có giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

9.2. Định hướng phương pháp dạy học

- Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự học tập, nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập;

- Khỏi kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ đại học.

9.3. Định hướng đánh giá

- Đánh giá học tập thường xuyên bằng kiểm tra lý thuyết, thực hành, viết tiểu luận, vấn đáp.

- Môn Kiến tập, Kỹ năng học tập và các môn học chuyên đề Kỹ năng được đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10, được tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

- Tổ chức thi kết thúc môn học theo hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, viết tiểu luận hoặc kết hợp với các hình thức trên.

- Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy chế hiện hành của Nhà trường.

9.4. Tốt nghiệp

Ngoài môn thực tập tốt nghiệp, sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn học tích lũy thay thế khóa luận theo quy định của Khoa, cụ thể:

9.4.1. Tốt nghiệp với Khóa luận tốt nghiệp (KLTN) Điều kiện làm KLTN:

Thực hiện theo Điều 16 Chương III của quyết định 78/QĐ-ĐHPT ngày 26/01/2024 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường đại học Phan Thiết.

9.4.2. Tốt nghiệp với các môn học thay thế KLTN:

Đối với các học phần tích lũy để tốt nghiệp, sinh viên có thể tích lũy dần dần ở các học kỳ.

Sinh viên có thể đăng ký các môn học thay thế KLTN trước khi thực tập tốt nghiệp.

10. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra

CĐR (PLO)	Nội dung	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
PLO1	Hiểu được kiến thức thiết yếu về khoa học ngôn ngữ	X							

CĐR (PLO)	Nội dung	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
	và ứng dụng của ngôn ngữ học								
PLO2	Viết báo cáo khoa học, làm nền tảng cho công tác giảng dạy, nghiên cứu và phát triển chuyên môn.								X
PLO3	Phân tích sách giáo khoa, nắm vững phương pháp soạn giáo án, sáng tạo và sử dụng giáo cụ trực quan cho việc giảng dạy.				X				X
PLO4	Nắm vững lý luận và phương pháp; kỹ thuật và phương tiện dạy học hiện đại trong dạy học ngoại ngữ; phương pháp nghiên cứu cải tiến, nhằm hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực cho người học trong giảng dạy tiếng Anh.			X					
PLO5	Sử dụng tiếng Anh thành thạo, linh hoạt, hiệu quả, trong giao tiếp và trong giảng dạy phù hợp với đối tượng, đáp ứng yêu cầu hiện hành.			X					
PLO6	Thực hiện các hoạt động theo hướng giao tiếp và đa dạng hóa các thủ thuật dạy học để khuyến khích người học học tập cũng như nâng cao tính tích cực của người học.	X							
PLO7	Điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; quản lý dạy học môn học có tính hệ thống, khoa học và sự phạm.			X					X
PLO8	Thực hiện thành thạo các kỹ năng xây dựng kế hoạch giảng dạy tiếng Anh, thiết kế giáo án, kiểm tra đánh giá kế hoạch học tập của người học nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hiệu quả của sự nghiệp giáo dục			X					X

CĐR (PLO)	Nội dung	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
	trong việc đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy - học.								
PLO9	Vận dụng kỹ năng tư duy, giao tiếp tiếng Anh, thuyết trình trước đám đông, và kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả vào quản lý lớp học và truyền đạt kiến thức một cách khoa học và hệ thống.								X
PLO10	Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu suốt đời.				X	X			X
PLO11	Sử dụng được tiếng Trung trong giao tiếp tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu về năng lực ngoại ngữ				X				
PLO12	Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và nghề giáo, làm tấm gương tốt cho học sinh.	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO13	Ứng xử, giao tiếp và làm việc nhóm một cách hiệu quả	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO14	Tư duy sáng tạo, giải quyết được các vấn đề nghiệp liên quan đến nghề giảng dạy.	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO15	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tận tâm, nhiệt tình và công bằng trong giảng dạy	X	X	X	X	X	X	X	X

11. Mối liên hệ giữa mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra

	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PLO 10	PL O11	PL O1 2	PL O1 3	PL O1 4	PL O1 5
Triết học Mác-Lênin												R		R	R
Kinh tế chính trị Mác – Lênin												R		R	R

	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PLO 10	PL O11	PL O1 2	PL O1 3	PL O1 4	PL O1 5
Chủ nghĩa xã hội khoa học												R		R	R
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam												R		R	R
Tư tưởng Hồ Chí Minh												R		R	R
Pháp luật đại cương							R					R	R	R	R
Tin học căn bản				R						M		R		R	R
Tiếng Trung 1										R	R	R		R	R
Tiếng Trung 2										R	M	R		R	R
Tiếng Trung 3										R	M	R		R	R
Giáo dục Thể chất 1												R		R	R
Giáo dục Thể chất 2												R		R	R
Giáo dục Quốc phòng an ninh												R		R	R
Nghe-Nói 1	R				M				M	M			R		
Nghe-Nói 2	R				M				M	M			R		
Nghe-Nói 3	R				M				M	M			R		
Nghe-Nói 4	R				M				M	M			R		
Nghệ thuật nói trước công chúng (Public Speaking)	R				M				M	M					

	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PLO 10	PL O11	PL O1 2	PL O1 3	PL O1 4	PL O1 5
Đọc 1	R				M				M						
Đọc 2	R				M				M						
Đọc 3	R				M				M						
Viết 1	R				M				M	M					
Viết 2	R				M				M	M					
Viết 3	R				M				M	M					
Viết 4	R	R			M				M	M					
Thực hành luyện âm	R				M				M						
Ngữ pháp 1	R				M				M						
Ngữ Pháp 2	R				M				M						
Dẫn luận ngôn ngữ học	R				M				M	M			R		
Tiếng việt thực hành	R				M				M				R		
Văn hóa Anh - Mỹ	R				M				M	M			R		
Văn học Anh - Mỹ	R				M				M	M			R		
Ngữ âm- Âm vị học	R				M				M						
Cú pháp (Syntax)	R				M				M						
Biên dịch	R				M				M	M			R		
Phiên dịch	R				M				M	M					
Hình vị học (Morphology)	R				M				M						
Lý luận giảng dạy tiếng Anh 1	R		M	M					R	M			R		
Lý luận giảng dạy tiếng Anh 2	M		M	M					R	M			R		
Thực hành	R			R	R	R	R	R		M			R		



	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PLO 10	PL O11	PL O1 2	PL O1 3	PL O1 4	PL O1 5
giảng dạy tiếng Anh 1															
Thực hành giảng dạy tiếng Anh 2	M			M	M	M	M	M		M			R		
Ngữ dụng học (Pragmatics)	R				M				R						
Ngữ nghĩa học (Semantics)	R				M				R						
Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy				M				M	M	M			R		
Kiểm tập (Observation)	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R		R	R
Khoá luận tốt nghiệp	M	M	M	M	R	M	M	M	M	M	M	M		M	M
Tiếng Anh thực hành	M		M	M	R	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
Thực tập tốt nghiệp	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M		M	M
Phương pháp nghiên cứu khoa học		R								M		R	R	R	R
Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp										R	R	R	R	R	R

Ghi chú: M (Master), R (Reinforced), I (Introduction)

12. Ma trận đối sánh CDR CTĐT theo khung trình độ quốc gia bậc Đại học

CDR theo khung trình độ QG CDR CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K T1	K T2	K T3	K T4	K T5	K N1	K N2	K N3	K N4	K N5	K N6	TCT N1	TCT N2	TCT N3	TCT N4
PLO1	X										X			X	X
PLO2			X		X		X		X		X	X			X
PLO3	X		X			X	X					X			
PLO4	X		X		X	X	X				X			X	X
PLO5	X					X					X	X			
PLO6	X		X	X							X	X	X		X
PLO7	X	X		X	X				X			X			X
PLO8	X			X					X				X		X
PLO9	X					X				X	X	X			
PLO10	X										X	X			
PLO11			X									X			X
PLO12												X		X	X
PLO13						X				X		X			
PLO14												X	X	X	X
PLO15												X	X		

13. Đề cương chi tiết